

# DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 20 (Phần Đầu)

**BẢN LUẬN QUYỂN 74**

Trong giải thích ba tánh, có ba bài tụng. Quyển trước đã giải thích về bảy môn của quả đầu xong. Nay quyển này, đầu tiên giải thích bài tụng thứ hai có chín môn, Nhiếp là thứ nhất.

Vô tánh thứ hai; Biết v.v... là thứ ba, Mật ý v.v... thứ tư; Sở hành thứ năm; Thông đạt là thứ sáu, Tùy nhập là thứ bảy, Sai khác là thứ tám và y chỉ, là nghĩa thứ chín.

Kế là, giải thích theo thứ lớp. Trong môn đầu, 1/ Chín nói về nhiếp thu. 2/ Hỏi, đáp, nói về chánh trí là lý do của Y tha. Luận sư Cảnh nói: “Nay, luận này nói: “Tự tánh ban đầu không thuộc về năm pháp. Tự tánh thứ hai, thuộc về bốn pháp. Tự tánh thứ ba chỉ thuộc Chân như cứu hành luận Phật tánh quyển hai cũng nói rằng: “Năm pháp của tánh thứ nhất đều không gồm thu, vì không có tự thể. Tánh thứ hai, thuộc về bốn pháp; tánh thứ ba, chỉ thuộc về như như.”

Lại, luận ba vô tánh quyển thứ nhất cũng nói: “Tánh thứ nhất không có tự thể tướng, chẳng thuộc về năm tạng. Nếu pháp là “có” thì không ngoài năm tạng.”

Hỏi: “Nếu như vậy, vì sao kinh Lăng-già nói: “Tướng, Danh là tánh thứ nhất, Phân biệt là tánh thứ hai; Chánh trí như như là tánh thứ ba?” Lại luận Trung Biên chép: “Tánh thứ nhất thuộc về Danh, tánh thứ hai thuộc về tướng và phân biệt. Tánh thứ ba thuộc về chân như và chánh trí. Văn như thế v.v... làm sao hội ý giải thích.

Giải thích: “Văn, dù có nghĩa khác, nhưng vẫn không trái nhau. Vì sao? Kinh Lăng-già chép: “Tánh thứ nhất gồm thu Danh, tướng, nghĩa là y cứ vào chấp tánh nhất định Danh, tướng, rốt ráo không có tự thể, vì đồng với nghĩa không có tự thể của tánh thứ nhất, nên được gồm thu nhau.

Nhân duyên Danh, tướng đều sinh từ tâm, vì không lìa tâm, nên

gọi chung là phân biệt, nên nói rằng “Phân biệt thuộc về tánh Y tha. Tướng và Phân biệt trong luận Trung Biên, y cứ vào pháp nhân duyên thuộc tánh y tha; Danh y cứ ở nghĩa không có tự thể của chấp ngang trái, đồng thuộc về tánh thứ nhất. Một thứ chánh trí dựa vào luận này và luận Phật Tánh v.v..., tức Y tha. Cho nên hữu vi dựa vào nhân duyên do thể biến đổi khác, chẳng phải Viên thành thật.

Kinh Lăng-già và luận Trung Biên nói, Như như, Chánh trí, đều thuộc về tánh thứ ba, nghĩa là đồng y cứ nghĩa không điên đảo, thuộc về Viên Thành Thật. Lại theo phần thuộc về lựa chọn dưới đây, thì Chánh trí cũng thuộc về tánh Viên Thành Thật. Nếu giải thích từ trước đến sau, nói về thông bát, người đời không nên khởi ngay lời vấn nạn rằng “Một thứ Chánh trí của Luận Du-già chỉ thuộc về Y tha; Biến kế sở chấp không có tự thể là lỗi. Lại nữa, Vô Tánh tân dịch, Bồ-tát Thế Thân đã giải thích Nhiếp Luận đều nói: “Như như Chánh trí thuộc Viên Thành Thật”, Kể tà kiến kia đã phá rằng: “Kinh, Luận tân dịch nói Chánh trí thuộc Viên Thành Thật.” Kể tà kiến kia phá rằng “Kinh, Luận tân dịch nói Chánh trí kia hoàn toàn thuộc về Y tha, tức có lỗi giả dối có thể hư hoại, há lượn sóng mạnh mẽ, thừa thốt, mất mát hay sao?” Lại, nói: “Dựa vào năm pháp không thuộc tánh thứ nhất, tức năm pháp nhiếp pháp không hết, nghĩa này không đúng! Vì biến kế sở chấp chỉ là sự câu kết, vẽ vờ của tính trái ngược, rất ráo vô pháp, vì đây là nói năm pháp không nhiếp thu, đâu được nói năm pháp như thế là lỗi thuộc về pháp không hết ư? Cho nên, nói rằng “Như quả đẹp của thế gian đa số lãnh nạp thẳng, trí sâu, nghĩa mâu nhiệm phần nhiều vờ lấy che bai”.

Pháp sư Thái nói: “Hỏi đáp trong đây, là nói về Chánh trí là trong lý do của y tha”. Phương Tây có hai Luận sư giải thích khác:

Một Luận sư nói: “Văn này chỉ tánh chấp đã làm rõ tánh Y tha của cảnh tướng phần. “Duyên” tự tánh của Biến kế sở chấp.”

Luận sư thứ hai nói: “Thuyết của lý không cùng tận, vì tâm thiện hữu lậu của người kia chẳng phải là Biến kế sở chấp.”

Thứ hai, trong giải thích môn vô tánh, y cứ ở ba tánh kia để nói về ba vô tánh:

1. Do tướng vô tánh, nên biến kế sở chấp nói là không có tự tánh.

2. Do sinh vô tánh và Thắng nghĩa vô tánh, nên tánh y tha, nói là không có tự tánh.

Dưới đây, là giải thích lý do tại sao?

Nói “Vì chẳng phải tự nhiên có, nghĩa là nói về ý vô sinh. Y tha

từ nhân duyên sinh, nên gọi là vô sinh.

Nói “vì chẳng phải tính sở duyên thanh tịnh, nghĩa là hai giải thích không có tánh thắng nghĩa. ngoại đạo chấp thân của người, trời v.v... là Niết-bàn thắng nghĩa, là pháp thường lạc. Nay, nói về pháp nhiệm khổ, tập của y tha không có tánh thắng nghĩa, vì không phải đối tượng duyên của chứng trí thanh tịnh, nên nói y tha gọi là thắng nghĩa vô tánh”.

3/ Chỉ do thắng nghĩa không có tự tánh nên viên thành thật tự tánh, nói là “vô tự tánh”.

Ở đây có hai nghĩa:

1) Viên thành kia là tướng ngôn thuyết, chẳng phải là tình chấp lấy pháp của tánh nhất định, mà là người Sơ học dựa vào giáo, chấp chặt “có” là thắng nghĩa viên thành “không”. Đối tượng chấp lấy của người kia, chấp tánh thắng nghĩa, gọi là thắng nghĩa vô tánh”.

Hỏi: “Vấn dưới đây có hai: Thể viên thành là thắng nghĩa. Do vô tướng v.v... vô tánh đã thể hiện rõ, gọi là thắng nghĩa vô tánh”.

“Vì sao v.v... ” trở xuống, là chính giải thích nghĩa này.

Hỏi Vì sao quyển trước nói viên thành chẳng phải ba vô tánh ư?”

Giải thích: “Y cứ ở môn sau, thể là thắng nghĩa, mà chẳng phải vô tánh, là vô tướng v.v.... Vô tánh đã thể hiện rõ, gọi là vô tánh. Nói về thật thể, chẳng phải là ba vô tánh, vì trí vô phân biệt lúc chứng viên thành đã là “có”, “không”.

Ở trước vì y cứ môn này nên nói là viên thành, chẳng phải ba vô tánh.

Thứ ba, là giải thích môn biết v.v... Như Nhiếp Luận nói: “Nên biết, nghĩa là ba tánh. Về lý, “có” “không” của ba thứ lớp tánh, tất cả người học đều nên biết khắp.

Nếu vậy, thì vì sao?” v.v... trở xuống là hỏi: “biến kế sở chấp, đối tượng hiện hành của trí nào là trí phàm là trí Thánh?”

Đáp: “Chẳng phải đối tượng hiện hành của trí, vì là vô tướng. Giải thích: “Quyển kia y cứ ở biến kế sở chấp vì không có tự thể tướng, nên không thành duyên duyên, nên nói đối tượng chấp đều chẳng phải đối tượng hiện hành của trí phàm, Thánh. Vì thể tánh là “không”, nên là chỗ mà người học đã tìm kiếm, mong cầu. Cho nên, nói nói là đối tượng biết khắp. Y tha là nhiệm, có tự thể không thật, thành thử nên dứt trừ hẳn, viên thành nên chứng.

Thứ tư, là giải thích môn mật ý có hai: Đầu tiên nêu chung, nêu kinh không liễu nghĩa, đều do ba tánh, nên thuận theo tướng quyết định rõ ràng. 2. Lược giải thích hai môn:

1) Nêu kinh để nói ba thứ vô sinh, nhĩn. Kinh không liễu nghĩa y cứ vào ba thời kỳ mà tùy quyết định rõ.

2) Nêu ba giải thoát, kinh không liễu nghĩa, do ba tự tánh, nên tùy quyết định rõ.

Luận sư Bị nói: “Ba nhĩn ở Sơ địa trở lên, nên nói không có lui sụt.

Thứ năm, giải thích môn sở hành. Pháp sư Thái nói lại lời Ngài Giới Hiền rằng “Ý trong đây nói có pháp là “duyên”, “duyên” Thế tánh, vì chủ thể sinh, nên gọi là “sở hành của trí”. Tánh Biến kế sở chấp đã là pháp không, vì chẳng thuộc về bốn duyên; chẳng phải là “sở hành” (đối tượng hiện hành) của trí. Vì là vô tướng. Thuyết trước y cứ ở thể của trí là pháp không, nên nói rằng “tất cả nên biết”.

Luận sư Bị v.v... nói: “Như Nhiếp Luận nói: ‘Cảnh giới phàm phu của tánh phân biệt. Cảnh giới bậc Thánh của tánh chân thật. Cảnh giới phàm, Thánh của tánh Y tha, vì y cứ vào tính Biến kế, nên nói là “sở hành”. Luận và Nhiếp luận, lại nói ba tánh đều gọi là “nên biết”, nghĩa là vì Biến kế “không”, nên gọi là “biết”, Dựa vào tánh Y tha khởi, “đối tượng hiện hành” của hai trí Phàm, Thánh nhưng chẳng phải là cảnh của Chánh trí. Viên thành Thật chỉ đối tượng duyên (sở duyên) của Chánh trí chẳng phải là cảnh của Hậu trí. Như luận về tướng phần của Chân như là tánh y tha. Y cứ theo văn này, các thức sở duyên của A-lại-da chẳng phải duyên duyên.”

Thứ sáu, là giải thích môn thông đạt. Khi thế trí tư duy đối tượng chấp, thì có tướng “không”, khởi ngay nơi tâm, không thể thân chứng chân như, gọi là hiện hành hữu tướng. Trí xuất thế gian thông suốt đối tượng chấp chân như, gọi là thực hành vô tướng. Thấu suốt hai tánh khác, phải biết cũng thế.

Thứ bảy, là Giải thích môn ngộ nhập. Ngộ nhập đối tượng chấp xưa nay là không tức ngộ nhập Viên thành. Tùy nhập Viên thành, loại bỏ Y tha, nghĩa là chứng đoạn trừ nhiễm.

Thứ tám, là giải thích môn sai khác. Có ba lượt hỏi đáp. Trong phần đầu, Luận sư Cảnh nói: “Tánh y tha là pháp duyên sinh, có cả tình, phi tình, đầy khắp mười phương, quá hơn số lượng. Dựa vào Y tha kia, chấp có hai Nhân, Pháp khác nhau, với số lượng đồng với Y tha kia.”

Hỏi: “Cũng khởi chấp đối với Viên thành, chấp có Viên Thành Thật, đối tượng chấp cũng thế?”

Giải thích: “Viên thành lìa chấp mắc kia, lúc chấp Viên thành thật, thì sẽ có tướng không giống với Viên thành thật. Tướng Y tha khởi

ở đối tượng chấp trên, vì luận gia này nói về số lượng của đối tượng chấp. Chỉ như y tha không nói như Viên thành thật. Lại đối với Y tha có hai biến kế tùy tâm giác của người kia, biểu hiện tình chấp “có”.

1. Tùy giác. 2. Quán tập tập khí tùy miên, nghĩa là vì biến kế sở chấp, nên huân tập thành hạt giống.”

Pháp sư Thái nói: “Như có người đồng theo ngôn thuyết giác biết chấp có các pháp, gọi là tùy giác, chấp tự tánh biến kế sở chấp, như trâu, dê v.v.... Quá khứ vô thỉ đến nay đã từng làm người v.v... quán tập Danh ngôn, tùy giác phân biệt huân tập hạt giống, gọi là quán tập vì sức tùy miên của tập khí, nên bò, dê v.v... dù không giác biết danh ngôn. Nhưng với giác biết danh ngôn, nghĩa là chấp các pháp không khác.”

Luận sư Bị nói: “Đây là nói do hai thứ chấp nên có tánh biến kế sở chấp.

Một cách giải thích của các nước phương Tây: “Lấy tự tánh của đối tượng chấp (bị chấp) làm tánh biến kế, nếu tâm “năng duyên” (chủ thể duyên) hoàn toàn y tha, cho nên trong văn này, nêu lại chủ thể chấp.

Trong đây, Địa tiền giải thích danh, ngôn, là đối tượng mà hữu tình chấp, cho nên nói “tùy giác”, không thể nói rằng đối tượng chấp của chúng sinh khởi dù không có hiện hành, tâm “duyên” danh, ngôn mà do tùy miên giải các pháp như xanh v.v..., nên gọi là tập khí quán tập.

Kế là, trong phần nói về khác nhau của y tha, Luận sư Cảnh nói: “Như loại khác nhau của phẩm tướng, nghĩa là như loại khác nhau của phẩm tướng trong năm pháp là Y tha khởi.

Lại có hai thứ v.v...

1. Do tám chấp phân biệt huân tập mà sinh ba việc là Y tha nhiễm.

2. Từ văn huân tập khởi.

Pháp sư Thái nói: “1- Y tha tạp nhiễm tùy biến kế chấp khởi. Ở đây có hai nghĩa:

a. Chấp tướng phần của tâm từ chấp kiến phần khởi. Nếu chẳng phải tướng phần, thì như vô minh sanh ra hành của ba tánh.

b. Y tha phần tịnh khởi từ không có chấp, cũng có hai nghĩa (như trước rất dễ hiểu).

Dưới đây, là nói về một vị Viên Thành, không có nhiều phẩm số.”

Thứ chín, giải thích môn Y chỉ. Biến kế sở chấp dựa vào ba pháp,

chấp có quyết định của người Pháp, phân biệt hai Trần là chủ thể chấp. Tướng, Danh là đối tượng chấp. Do dựa vào “năng chấp” (chủ thể chấp), “sở chấp” (đối tượng chấp) câu kết giả đối, vẽ ra tánh bị chấp hình thành. Nhiếp Luận dựa vào ý xứ này để nói: Tác dụng ấy là gì? Là chủ thể biến kế. Cái gì là đối tượng biến kế? Là tánh biến kế sở chấp thành?

Đáp: “Ý thức là chủ thể biến kế. Tướng, Danh của Y tha là đối tượng biến kế. Do đây, chủ thể đối tượng tánh biến kế sở chấp được thành,”

Hỏi: “Trong ý chỉ này, tức nói y chỉ ba pháp. Vì sao thuyết trước nói biến kế sở chấp của môn Duyên, duyên gì nên biết?” trong phần đáp, tức nói “duyên” Tướng, Danh của Y tha kia thuộc nhau, trừ phân biệt ư?”

Giải thích: “Thuyết trước nói về môn Duyên, chỉ lấy sở duyên (đối tượng duyên). “Duyên” Tướng, Danh của Y tha kia, nhất định chấp mắc hệ thuộc nhau, nên thành đối tượng chấp (sở chấp). Vì không lấy chủ thể chấp, nên trừ phân biệt.

Nay, môn Y chỉ lấy chung tâm, cảnh dựa vào tâm phân biệt của chủ thể chấp và lấy hai pháp tướng, danh của đối tượng chấp (bị chấp) mới thành “sở chấp”, nên môn y chỉ nương tựa chung ba pháp. Y tha, phải nói tức y biến kế sở chấp và đẳng lưu riêng của nó. Trong môn duyên ở trước tức nói y tha “duyên” tự tánh của biến kế sở chấp. Nghĩa là trong môn y chỉ này, phải dựa vào tâm “năng chấp” Nhân, pháp của tánh quyết định kia. Tâm “năng chấp” này dựa vào hạt giống danh, ngôn của tự loại. Và, hiện hành của danh ngôn kia, cái sau dựa vào cái trước khởi, nên nói “và tự đẳng lưu”.

Trong môn duyên ở trước chỉ nói y tha “duyên” tự tánh của biến kế sở chấp, nghĩa là y cứ trực tiếp “duyên” hai trần của tánh quyết định kia, huân tập thành y tha hạt giống và sinh y tha hiện khởi. Cho nên, chỉ nói “duyên” tự tánh của biến kế sở chấp. Nên biết rằng, tánh Viên thành thật là vô vi, thường trú, không có đối tượng nương tựa. Vì nhờ vậy, nên không có y chỉ, tức là kinh nói không có trụ, tức không có nghĩa. Trước kia nói môn duyên, tức nói “duyên” biến kế sở chấp ngay trong y tha, rốt ráo không thật, nghĩa là y cứ vào trí gia hạnh “duyên” biến kế sở chấp kia đều không có tự tánh, chỉ cấu kết, phát họa gia đối. Do gia hạnh tìm kiếm, xem xét, biết rõ hai trần bị chấp chẳng thể nhân ngộ này mà nhập tánh viên thành, cho nên nói viên thành duyên biến kế sở chấp kia, không thật nên biết.

Dưới đây là giải thích bài tụng thứ ba có mười một môn: “nếu không có” là môn thứ nhất. “Tác nghiệp”, là môn thứ hai. “Vi tế” v.v... là môn thứ ba. “vô thể” là môn thứ tư. Sinh, là môn thứ năm. Chấp là thứ sáu. Biết rõ”, là môn thứ bảy. Nhiễm, là môn thứ tám. Khổ là môn thứ chín. Dụ là môn thứ mười. Phân biệt là môn thứ mười một. Văn xuôi giải thích có mười. Hai môn: Nhiễm, khổ:

1. Vì giải thích xứ, trong giải thích môn đầu nếu không có biến kế sở chấp, thì sẽ có lỗi gì?”

Đáp: “Ở trong tánh y tha khởi, lẽ ra không có chấp danh ngôn v.v... nghĩa là từ xưa đến nay, đều khởi chấp ở danh, ngôn của y tha. Do chấp cấu kết khắc họa, khởi pháp nhiễm sinh, tử của y tha kia, dứt nhiễm, được tịnh. Nếu không có tánh này, thì sẽ không có chấp danh, ngôn. Tánh này nếu không có, thì lẽ ra không thể biết được tạp nhiễm, thanh tịnh. Không có hai tánh sau, thì lỗi rất dễ hiểu.

2. Giải thích môn tác nghiệp. Luận sư Cảnh nói: “Tánh đầu có năm nghiệp:

a. Chủ thể sinh Y tha do chấp, hai trần Y tha của hai phần tướng, kiến được khởi, nghiệp này là chung, bốn nghiệp sau là nói riêng. Đối với phần chung, sinh ra Y tha kia, để nói về năm nghiệp.

b. Khởi ngôn thuyết.

c. Sinh ra nhấp người.

d. Sinh ra chấp pháp.

đ. Chủ thể nhiếp thọ hai thứ chấp tập khí thô nặng kia. Do chấp hai thô nặng thành hai chấp tập khí thô nặng. Hai tánh còn lại đều có năm nghiệp, như văn rất dễ hiểu.”

Pháp sư Thái nói: “Năm nghiệp của tánh đầu tiên:

1. Tánh biến kế sở chấp dù chẳng phải “sở duyên”, “duyên sinh”, tâm “năng chấp”, nội vọng nghĩa là có tướng sở chấp, có tâm năng chấp nên nói là “năng sinh” (chủ thể sinh), Tánh y tha thật sự chẳng phải bốn duyên.

2. Do hai ngã tướng Nhân và Pháp sinh ra ngôn thuyết của hai ngã. Do ngôn thuyết của hai ngã, nên lại duyên hai ngã mà khởi.

3. Tùy giác phân biệt chấp, Thói quen thứ ba, thứ tư tùy giác chấp huân tập thành tập khí, tùy miên thô nặng bèn khởi hai chấp tùy miên. Hai chấp tùy miên này cũng từ biến kế sở chấp sinh, nên biến kế sở chấp có thể nhiếp thọ hai thứ chấp thô nặng tập khí kia.

Y tha có năm:

1. Đại khái nói về Y tha năng sinh tạp nhiễm có hai thứ sinh. So



với trước rất dễ hiểu, lược qua không nói chủ thể sinh thành tịnh.

2. Dựa vào y tha, vì chấp có tánh biến kế sở chấp, nên có thể làm đối tượng nương tựa cho tự tánh biến kế sở chấp. Lại vì tục nhập chân, và làm chỗ nương cho tự tánh Viên Thành Thật, y cứ thế tục làm chỗ nương tựa cho Thắng nghĩa đế, nên nói trong tánh Biến kế sở chấp không nói.

Thứ ba, thứ tư hai chấp người Pháp lấy tánh y tha làm “duyên sở duyên, làm đối tượng nương tựa cho hai chấp kia.

5. Thức Lại-Da làm “sở y” cho hạt giống của hai chấp kia.”

Luận sư Bị nói: “Tánh đầu tiên có năm:

1. Do hai trần người, Pháp nên có thể sinh tâm “năng phân biệt” của Y tha.

2. Nếu luận Y tha lìa tánh ngôn thuyết nên không thể nói, mà ngôn thuyết, nghĩa là do biến kế. Ba, bốn, như luận.

5. Do biến kế nên khởi chấp người pháp. Do hai chấp, nên thuộc về hai thứ kia.”

Lại, giải thích: “do không có hạt giống, nên đối với các hữu lậu đều có tánh thô nặng, thứ năm trong năm nghiệp của y tha, tự có hai môn: Nếu là môn lý tùy chuyển, thì tâm vương và năm căn v.v..., đều có thể giữ gìn hạt giống. Nếu luận hay cho nương tựa thô nặng, thì nói chung tất cả các pháp hữu lậu. Nếu là môn chân thật, thì chỉ là Lại-da hay gìn giữ hạt giống. Viên thành thật kia, chính là năm thứ nghiệp, là hai duyên sở duyên của năm đối trị. Thứ ba là giải thích môn vi tế, v.v... Pháp sư Thái nói: Biến kế sở chấp khó ngộ nhập, cho nên là sở duyên của tám thức y tha nhỏ nhiệm. Cảnh y tha thường hiện tiền nên gọi là Thô, viên thành quả Thánh mới thấy nên nói là rất nhỏ nhiệm.

Luận sư Bị nói: “Vì các pháp sắc, tâm có thể nên nói thô. Vì biến kế sở chấp không có tự thể, nên gọi là tế.”

Thứ tư giải thích môn không có tự thể:

1. Không có tự thể năng chuyển biến có tự thể, do chấp vô thể nương vào tha thể mà khởi hỏi pháp không có tự thể không thành duyên duyên (năng duyên, sở duyên), sao được nói duyên, không có tự thể, có thể kia sinh ư?”

Luận sư Cảnh giải thích: “ “không có tự thể” chung này tự nó thuộc về đối tượng chấp, có thể chuyển “có thể”. Tự là tướng phần, y tha có pháp có công năng làm duyên duyên, sinh ra kiến phần như “duyên”, như “duyên” mười tám giới. Lúc Pháp chấp nhất định có, tức có tướng phần của các giới. Chính tâm kiến phần khởi làm duyên sở



duyên. Bên cạnh nghĩa chấp quyết định của hai tướng phần kia, tự nó không có tự thể, tự nó thuộc về đối tượng chấp, có thể chuyển thành có thể, tức y cứ ở tướng phần. Vì trong văn chung nói, nên nói là một tánh không có tự thể, có thể chuyển thành có thể.’

Có chỗ giải thích: “Pháp y tha khởi, do tình vọng khởi, nên nói Biến kế chấp có thể chuyển y tha, chứ chẳng phải là nhân duyên và gần “duyên duyên” v.v....

1. Là có thể, có thể khởi “có”, “không”, nghĩa là tánh Y tha khởi có thể sinh tự loại và khởi hai trần người Pháp.

2. Là có Thể mà chẳng phải năng chuyển, tức Viên Thành Thật dứt hí luận.

Thứ năm, là giải thích môn sinh, bất sinh. Vì biến kế sở chấp xưa nay vô sinh, nên nói “bất sinh”, nhưng ví có khả năng sinh Y tha, nên nói là “sinh sinh”. Tánh y tha khởi là pháp sinh, chủ thể sinh Y tha và Biến kế sở chấp.”

Hỏi: Nếu nói Biến kế xưa nay bất sinh, thì vì sao nói do Y tha sinh ra?

Giải thích: Vì y cứ ở nghĩa không có tự thể, nên gọi là bất sinh; vì tùy tánh chấp, nên cũng gọi là sinh. Tánh Viên Thành Thật do nghĩa ngừng dứt, nên bất luận chủ thể sinh.”

Hỏi: So với môn trước đâu có khác mà cần phải nói lại?”

Luận sư Cảnh nói: “Môn trước y cứ vào có tự thể, không có tự thể, nhằm nói khả năng sinh nhau. Nay, y cứ vào pháp sinh, bất sinh để nói về chủ thể tương sinh. Luận sư Cảnh nói: “Chuyển cả sinh diệt. Lúc mê có thể sinh Y tha. Nếu tỏ ngộ đối pháp chấp, tức diệt y tha?”

Nay, giải thích: “Chuyển: “nghĩa là chuyển biến sinh là nghĩa sinh khởi”.

Thứ sáu giải thích môn chấp, vô chấp, trước là nói về tướng chấp, vô chấp của tánh biến kế sở chấp.”

Luận sư Cảnh nói: “Giác ngộ có chấp, vô chấp, tức tuổi nhỏ trở đi, hiểu rõ về Danh, Ngôn, con người khởi chấp giác ngộ. Nếu gọi là biết rõ, thì không khởi chấp kia.

Kế là, giải thích về tùy miên có chấp, vô chấp, tức là trẻ con, gia cầm, gia súc v.v... dù không hiểu danh ngôn, nhưng vì sức tùy miên mà có đối tượng chấp. Nếu y cứ vào người Đại thừa dứt bỏ tùy miên, thì phải biết là vô chấp.

Pháp sư Thái nói: “Trong đây y cứ vào ngã chấp để nói về tánh biến kế, chấp và không chấp, phân biệt ngã kiến, do ngôn giáo của

ngoại đạo chấp không có ngã, nên gọi là chấp giác ngộ. Câu sinh ngã kiến không do ngôn giáo, mà là do sức tập khí nhậm vận khởi, nên gọi là tùy miên chấp, trong đó có hai: Nếu là người phàm phu chưa nhổ hạt giống, tập khí của Câu sinh ngã chấp kia, thì phải biết rằng người ấy có tùy miên chấp; nếu La-hán v.v... cho đến địa vị chưa bỏ tập khí thô nặng, dù đã dứt trừ hết hạt giống của tùy miên Câu sinh ngã chấp nhiễm ô, nhưng trên hạt giống thiện, vô ký vẫn còn có tập khí thô nặng của ngã chấp. Do sức tập khí thô nặng này, nên tâm vô ký thiện chấp có Nhân, Ngã đều gọi là “chấp có”, chỉ có mình Phật, có khả năng nhổ bỏ tập khí, nên gọi là “không có chấp”.

Luận sư Bị nói: Trong bốn thứ, hai thứ đầu y cứ ở phân biệt khởi, nói chấp không chấp. Hai thứ sau, dựa vào câu sinh để nói về chấp, không chấp.

Trong phần trước, tức Địa tiền vì có phân biệt khởi chấp, nên gọi là “có chấp”. Sơ địa trở lên, vì không có phân biệt ngã, nên gọi là “không chấp”. Trong hai thứ sau, tức trừ Địa tiền, cho đến Thập địa trở xuống, có hai chấp câu sinh, phân biệt nên gọi là “có chấp”. Kim cương trở lên dứt trừ hẳn hai chấp, nên gọi là “không có chấp”. Đại thừa phán quyết như thế. Nếu tùy từng phần mà nói, thì Sơ địa trở lên, cũng có “vô chấp”.

Kế là, nói y tha có chấp, không chấp Luận sư Cảnh nói: “Trong đây cũng có hai:

1) Do tự tánh biến kế sở chấp, chấp giác ngộ, v.v... nghĩa là nêu tánh đối tượng chấp để nói về y tha, chủ thể chấp.

“Khéo hiểu rõ v.v...” trở xuống, đối với các Trần Nhân, pháp, không khởi chấp trái ngược.

2) “Nếu đối với tướng ràng buộc”. Cho đến chấp thứ hai, nghĩa là đối với các cảnh giới khi có cái được (chứng đắc), gọi là có tướng trói buộc.

Kế là, nói về vô chấp vô chấp có hai:

1) Nói chứng trí, cõi không có tướng, đã nhổ bỏ tướng ràng buộc, gọi là vô chấp.

“Hoặc vào thời điểm sau v.v...” trở xuống, nói trí Hậu đắc, như có mà được, phải biết là không có chấp.

Pháp sư Thái nói: “Trong đây, y cứ vào pháp, ngã, để nói về “có chấp”, “không chấp” trên tánh y tha. Việc này cũng có hai thứ:

1) Nếu do tùy danh, ngôn, giác ngộ, phân biệt chấp có biến kế sở chấp pháp ngã, lại do tùy danh mà nói giác ngộ phân biệt. Biến kế mà

thành tự tánh pháp chấp, như ngôn, giáo của Tiểu thừa chấp pháp có tánh v.v... thì gọi là chấp đầu tiên, chỉ do trong văn, nêu giác ngộ biến kế. Giống như giải thích pháp chấp giác ngộ biến kế, chẳng phải chính nói, về chấp người giác ngộ, vì trước đã nói.

2) Nếu đối với hạt giống ràng buộc của tướng chưa được nhổ bỏ, do sức hạt giống, nên trong các tướng khi có sở đắc, gọi là tùy miên thứ hai. Hai thứ pháp chấp, không chấp v.v... tìm trong văn rất dễ hiểu.

Luận sư Bị dẫn giải thích của Tam Tạng Pháp sư: “Đây cũng có bốn thứ, như giải thích trong biến kế”.

Có sai khác, nghĩa là pháp của tánh y tha vì lìa tác dụng ngôn thuyết, vì không có chỗ nương tựa chấp mắc, nên gọi là “chấp”. Lại, trong bốn thứ này, hai thứ đầu, y cứ ở phân biệt, không có nói chấp, không chấp. Hai thứ sau, y cứ vào tướng ràng buộc, không nói về chấp, không chấp. Ngài Tam Tạng Pháp sư lại nói: “Hai chấp y tha, tức là hai chấp của biến kế, không có tự thể khác. Như trên năm uẩn, chấp có bên Thần ngã, gọi là nhân chấp. Không hiểu rõ bên nghĩa uẩn, gọi là pháp chấp. Trong đây cũng thế. Bên cạnh nghĩa chấp ngang có tánh phân biệt, gọi là biến kế chấp. Không hiểu rõ bên nghĩa tánh y tha, gọi là chấp y tha. Dưới đây, sẽ nói viên thành không có chấp:

Cõi này chẳng phải chấp chỗ yên ổn, đầy đủ. Nếu ở trong cõi này, người chưa được xúc chứng, khởi đắc tăng thượng mạn, phải biết chính là biến kế sở chấp đã vẽ lờ mờ tánh y tha mà khởi. Dù “duyên” chân như mà khởi chấp mắc, lại chấp tâm biến hóa, vì như tướng phần, y tha khởi chấp.

Thứ bảy, là giải thích môn biết rõ, có ba lược hỏi đáp:

***I. Nói về biết rõ biến kế sở chấp có mười một tướng:***

- 1) Chỉ có chấp danh.
- 2) Không có tướng, tánh.
- 3) Không có sinh, diệt.
- 4) Không có nhiễm, tịnh.

5) Niết-bàn xưa nay, xưa nay các Đại đức giải thích lời này: nêu “năng trị” làm rõ tánh phân biệt của bị trị. Nay, giải thích không như vậy. Tức vì rốt ráo là không, nên tức là tự tánh “không” chứ chẳng phải vì dứt bỏ cho nên không v.v... như văn trước nói. Xưa nay vắng lặng v.v... dựa vào tướng sinh mà nói.

- 6) Chẳng phải ba đời.
- 7) Chẳng phải ba cõi trời buộc. Không trời buộc.
- 8) Chẳng phải ràng buộc, giải thoát.

9) Chẳng phải ba thọ.

10) Chỉ là một vị.

11) Như hư không. Vì hư không không có tự thể, nên nêu để làm thí dụ.

Chín thứ trước, là nêu tướng, hai thứ sau là tướng chung.

**II. Kế là, nói biết rõ Danh, tự y tha:** Được giải thích tất cả thuộc về sự hữu vi, đây là nêu chung. Dưới đây là giải thích riêng:

1) Y cứ Pháp tướng có năm mươi tám; mười sáu thiện xảo.

2) Sự quả nghiệp.

3) Sự thứ hướng sinh.

4) Sự sinh loại.

Pháp sư Thái nói: “Nói chung sự sinh của tướng các pháp, gọi là sự sản sinh. Dòng loại của các pháp, sự loại của Danh, sắc, chẳng phải sắc của căn, trần v.v....”

Nay, giải thích: “Đây là cha mẹ sản sinh các thứ sắc loại.

5) Hai mươi tám tầng trời.

6) Sự Phương tiện nhập Thánh.

7) Sự kiến đạo, tu đạo.

8) Sự của quả Thanh Nhị thừa.

9) Sự Diệt Định.

10) Sự đến bên kia bờ.

Luận sư Cảnh nói: “không”. Có chỗ giải thích là sáu Độ.

11) Sự ba mươi bảy Phẩm.

12) Sự tĩnh lực.

13) Sự Bôn Vô lượng.

14) Sự Định Vô Sắc.

15) Sự tu mười tướng.

16) Sự tu tùy niệm.

Pháp sư Thái nói: “Sự niệm trụ”. Nay, giải thích: “Sự sáu Tùy niệm.

17) Sự ba khoa công đức.

18) Sự các công đức như lực vô úy, v.v...

Kế là nêu dụ: Tướng có ba loại.

1. Y cứ dụ chiêm bao v.v..., Như Nhiếp Luận v.v... nói có năm thứ.

3. Như bảy thứ cuồng v.v..., có thể dẫn kinh Niết-bàn v.v....

Giải thích về thí dụ uống nước tiểu của bạn. Luận sư Cảnh, Bị đồng nói: “Có người bị đánh ngất xỉu ngã xuống đất. Có người với tâm

ác, tiểu vào miệng người kia, người ấy liền sống lại, sống lại rồi bảo rằng: “ông hãy uống nước tiểu của tôi đi, sẽ được sống. Nghe xong người kia liền lội xuống sông Hằng, trải qua sáu tháng ngâm tắm, mới được vào thôn. Vì người phương Tây kiêng nước tiểu, dãi, huống chi chịu uống. Xưa nay tương truyền trần khí được là phân, bèn lấy phân trong cầu xí để uống, thật philý!

Nói “trần khí được”, nghĩa là lấy bã thuốc mà người vứt bỏ, đem chưng, nấu để uống, gọi là Trần khí được.

Pháp sư Thái nói: “Như hai người bạn cùng băng qua sa mạc, nơi không có nước, một người còn được một ít nước, vội uống hết, rồi dùng nước tiểu của mình đem cho người kia uống, nên gọi là nước tiểu của bạn.

Con giả: “Như thế gian nhận con nuôi, chẳng phải đích thân mình sinh ra. Bề ngoài thì họ biểu lộ cử chỉ thân thiện, nhưng trong âm ấp tính đua nịnh, tà vạy, phung phí tài vật trong nhà, còn phải tra hỏi.”

Dưới đây là dương thể, nói về tướng, gồm có sáu câu:

1. “Không” chẳng có tự nhiên sinh.
2. “Vô nguyện”, vì đáng nhàm chán.
3. “Xa lìa”, vì không nên ưa chấp mắc.
4. Không có chấp lấy, vì không có “năng chấp” “bị chấp”.
5. Đối tra, vì không có thật thể.
6. Không vững chắc, vì nhanh chóng hao mòn, tiêu mất.

**III. Nói biết rõ Viên Thành Thật:** Đầu tiên, là ngay nơi thể nói về tướng, như ở trước đã nói chân như, Thật tế v.v.... Sau y cứ cái “không”, tức mười thứ v.v....”

Thứ tám, là giải thích môn nhiễm khổ. Trước nói về nhiễm kia. Sau so với khổ. Vì biến kế sở chấp không có tự thể, nên chẳng phải nhiễm, chỉ khiến cho y tha nhiễm. Y tha chỉ có tự nhiễm. Viên thành, Bạch tịnh làm cho y tha cũng tịnh.

Thứ chín, là giải thích môn thí dụ. Đối tượng chấp như hư không, vì đồng với không có tự thể; y tha như kẻ thù, trai hại, vì làm hao hụt pháp lành, thân mạng. Viên thành như cất giấu nhiều kho tàng châu báu vô tận. Nếu khi chứng đắc, sẽ được lợi ích vô cùng! Nhưng kho báu này dụ cho thật tánh. Xưa nay, các Luận sư đều giải thích không đồng nhau: Nếu là các Luận sư của đạo phía Nam, thì dẫn kinh Lăng-già v.v... nói rằng: “Như lai tạng tánh đầy đủ tất cả công đức, như cát sông Hằng, vốn tự có, chứ chẳng phải đến nay mới có. Lại, chính kinh Lăng-già kia nói: “Ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tùy hình hảo, ngôi kiết già mà

là vô lượng, không che giấu, không thể hiển hiện”. Lại, kinh Niết-bàn nói: “Đại Bát Niết-bàn vốn tự có, đầy đủ tất cả công đức như cát sông Hằng.”

Lại kinh Hoa Nghiêm chép: Đây “Phật tử, tất cả chúng sinh đều có tạng tánh Phật Như lai, đủ các công đức”. Lại luận Địa Trì nói “chủng tánh của tánh, nghĩa là sáu nhập thù thắng, lần lượt nối tiếp nhau pháp nhĩ từ vô thủy.”

Kinh, luận như thế, đều chứng minh rằng, trên đây, đủ các công đức. Nếu như thuyết của đạo phía Bắc thì sẽ không có tất cả công đức trên đây, tức là phạm lỗi đồng với đoạn kiến của ngoại đạo. các Luận sư của đạo phương Bắc nói: “Lập tất cả công đức vốn có, bất sinh từ nhân, mà là tự có trên đây”, thì hoàn toàn đồng với lỗi “tự thể” của Tăng già.

Làm sao biết được, không có công đức vốn có? Vì sao Đức Thế tôn lại nói: “Tất cả các pháp đều là không, chẳng sinh, chẳng diệt?” Đức Phật bảo Đại Tuệ: “Vì chúng sinh đoạn kiến, nên ta mới nói trên đây, có các công đức.” Tức đem đoạn văn này, để giải thích chung ý tất cả kinh.”

Nay, Pháp sư Thái nói: “Dựa vào luận này chứng minh rằng, lý của Viên Thành thật, thành tựu gốc muôn đức, nên nói là kho tàng trong lòng đất không nói chân như đầy đủ muôn đức. Như Bồ-tát Hộ Nguyệt v.v... dù lập hạt giống pháp nhĩ vô lậu của ba thừa, mà là Thể của hữu vi, chẳng phải chân như, nên không đồng với cách giải thích của đạo phía Nam. Nhưng vì hạt giống vô lậu vốn có, nên không đồng với giải thích của đạo phương Bắc.”

Pháp sư Bị nói lại văn nói về đầy đủ các đức vốn có rằng: “Chân như vốn có, chính vì nó thường sinh tất cả các đức, nên nói là vốn có tánh “hằng”.”

Có chỗ giải thích: “Vì trên chân như không có vô minh, nên gọi là trí tuệ. Không có tán loạn, gọi là định, điều này không đúng! Vì nếu như thế, thì các pháp vô tình cũng không có vô minh, nên lẽ ra có trí định.”

Lại giải thích: “Không lìa hữu vi, tu công đức của sinh, gọi là đủ công đức, về lý cũng không đúng. Nếu như thế, nghĩa là chẳng lìa cái không, lẽ ra gọi là không.”

Thứ mười là giải thích môn phân biệt, trong đó có hai:

1. Giải thích ba tánh đều có nguyên do.
2. Nhân lời nói dài, nói về trí vô phân biệt.

Trong phần trước, biến kế sở chấp do Y tha, nên có biến kế sở

chấp. Y tha do nhân duyên, nghĩa là do nương tựa nhân duyên, pháp quả mới được sinh, nên gọi là y tha Viên thành do tất cả các khổ phiền não không tạp nhiễm, tức vì không có điên đảo, nên gọi là chân thật. Lại, do thường, tức do không biến đổi khác, gọi là chân thật.

Y cứ theo nghĩa trong đoạn sau, thích hợp với năm tướng của Trí vô phân biệt trong Nhiếp Luận.

Trong vấn, trước vấn nạn, sau là giải thích.

Trong vấn nạn, trước dùng năm nghĩa để thành tựu định.

Kế là đặt ra năm vấn nạn:

1. “Nếu do không có tác ý: Kinh nói: “Trí vô phân biệt tương ứng với tác ý như lý”, mà nói là không có tác ý, nên không hợp lý?”

Lại nếu vì không có tác ý, nên gọi là trí vô phân biệt, thì ngu say, điên cuồng, say rượu thành lỗi của Trí này?”

2. “Nếu vì vượt qua tâm từ phân biệt kia, nên gọi là trí vô phân biệt, thì các tâm, tâm pháp của Nhị thừa trở lên, lẽ ra là trí vô phân biệt? Nếu việc ấy là phải, thì sẽ trái với giáo đã nói rằng: “Tâm pháp của ba cõi đều là phân biệt?”

3. “Nếu vì không có sở hữu, thì sao luận này không thành chẳng phải tâm ư?”

4. “Nếu do là người tánh ngu, chậm lụt kia, thì sao luận này không thành tánh của sắc và chẳng phải suốt tướng ư?”

5. Nếu do đối với cảnh, thực hành gia hạnh vi tế, thì tức là chê bai trí này lia tướng gia hạnh?”

Dưới đây, trong hội ý giải thích, Luận sư Cảnh nói “Đối với Cảnh sở duyên, vì lia gia hạnh, nghĩa là trí này đã chánh chứng, lia tâm kia, tâm cầu gia hạnh, tức giải thích trí vô phân biệt.”

Nói “Cảnh sở duyên này cho đến lia phân biệt: Đây là nói về cảnh vô phân biệt, nêu cảnh để nói trí là vô phân biệt.

Nói “Khi đẳng trì tương ứng với diệu tuệ sinh, thì đối với tướng “sở duyên”, có thể hiện chiếu soi thủ v.v..., tức định, diệu tuệ có thể hiện soi rọi, như lia năm tướng, gọi là vô phân biệt.”

Pháp sư Bị cho rằng, theo ý văn đầu tiên của luận Trung Biên, thì Địa tiên, trước bỏ tướng phần, kế là loại bỏ kiến phần, nhập Sơ địa, chỉ có tự thể”. Luận này cũng thế, cho nên luận nói: “Cảnh sở duyên” này lia tướng “có”, “không”, nghĩa là muốn nói về lia nghĩa tướng phần, lia các phân biệt, muốn nói về lia nghĩa Kiến phần.

Đẳng Trì, Diệu Tuệ, có thể hiện soi rọi thủ, nghĩa là muốn nói về Địa tiên không có Kiến, tướng, vì tuệ đã dẫn phát. Sơ địa trở lên, chỉ



có tự thể, do không có hai chương Kiến, tướng, nêu chứng được Chân như.

Theo niếp Luận bản dịch xưa, địa vị nhần thực hành quán vô tướng. Pháp thứ nhất, thực hiện quan vô sinh, vì quan vô tướng, nên là tướng phần.

Do là Kiến phần, nên thực hành quán Vô sinh. Vì thế, nên từ Sơ địa trở lên, chỉ có phần của tự thể. Cho nên, các nước phương Tây so sánh rồi nói rằng “Giống như con bò có hai sừng. Trước, đập gãy một chiếc sừng; sau đến sừng thứ hai, chỉ còn có cái đầu của nó, để đả phá”. Tuy nhiên, nói về trí này, người phương Tây có hai giải thích:

1. “Chánh Thể Trí “duyên” Chân như, không có tướng phần. Vì tự nội chứng.

2. “Không có các tâm “duyên” cảnh mà không phân biệt. Cho nên khi trí này “duyên” chân như cũng tạo ra ảnh tượng.”

Nay, theo luận Duy Thức thì giải thích trước là hơn.”

Trên đây, là quyết định lựa chọn, đầu tiên, trong Trì Du-già có mười hai đoạn. Bốn đoạn trước đã nói xong.

Dưới đây là đoạn thứ năm, quyết định lựa chọn phẩm oai lực:

Đã nói phần nghĩa chân thật, là kết đoạn trước.

“Do năm nhân duyên, phải biết rằng oai lực không thể nghĩ bàn, nghĩa là nêu số, sinh sau, với tâm không nhất định, hoàn toàn không đồng.

Lại, nói “Hoàn toàn hệ thuộc tâm của định Sơ địa” nghĩa là Bát địa trở lên, cũng có sự này. Nhưng phần nhiều y cứ ở địa vị Phật đều là tâm định.”

Dưới đây, kể là thứ sáu, quyết định lực chọn phẩm thành tựu: mười Pháp hạnh:

1. Biên chép, thọ trì kinh
2. Cúng dường.
3. Tuệ bố thí người.
4. Lắng nghe.
5. Xem đọc.
6. Lãnh thọ.
7. Phúng tống.
8. Nói rộng cho người nghe.
9. Ở riêng một mình, tư duy.
10. Tùy nhập tu tướng.

Mười công hạnh như thế, đều có nghĩa tư chất, gọi là phước.

Thứ chín là đạo gia hạnh, là Tư. Thứ mười là đạo tịnh chướng, là tu. Tìm tướng văn này, công hạnh thứ chín mới gọi là gia hạnh, nên có thể nói là tám công hạnh trước, chỉ có “sinh sắc thiện”.

Công hạnh thứ bảy, quyết định lựa chọn phẩm Bồ-đề, trong đó, trước nêu lược, nay sẽ giải thích, sau theo thứ lớp giải thích năm tướng Bồ-đề:

1. Trong giải thích tự tánh, đầu tiên là nêu tự tánh, nghĩa là chuyển y vượt hơn. Sau nói về chuyển y có bốn thứ tướng. Trước đơn cử số, nêu danh. Sau, giải thích riêng.

***I. Giải thích văn “sinh chuyển” tương sở y, có ba tiết:***

1) Thuận với ý giải thích, muốn biên minh về thân Phật, tất cả đạo xuất thế gian hữu vi, vô lậu. Trước khởi gọi là sinh. Sinh tức là lưu chuyển nối tiếp nhau, nên gọi là “chuyển”. Chân như và công đức hữu vi này vì làm đối tượng y chỉ, nên gọi là sở y (đối tượng nương tựa).

Lại giải thích: “Thân tự thọ dụng nối tiếp nhau, là đối tượng y chỉ của sinh, chuyển của đạo xuất thế.”

2) Y cứ quả để giải thích ngược lại: Nếu đạo xuất thế không dùng “chuyển y” làm đối tượng nương tựa, thì quả vị Phật đã không được “chuyển y” này? Đạo quả Phật này lẽ ra phải bất sinh đầu tiên, không chuyển sau, bởi vì không có nơi nương tựa.

3) Y cứ vào nhân để vấn nạn ngược lại: “Nếu xa lìa “chuyển y” kia mà có quả Phật này, thì sự “sinh chuyển” của đạo xuất thế gian sẽ ở địa vị nhân, lúc chưa “chuyển y”, ở trước lẽ ra đã có sự sinh chuyển của đạo quả Phật này, vì ở địa vị nhân được “chuyển y”?”

***II. Giải thích về tướng “sở y” của “bất sinh chuyển”, văn có hai tiết:***

Tiết đầu, thuận với giải thích. Kim cương đã dứt trừ, tất cả phiền não chánh sử của tu đạo và Sơ địa đã dứt trừ tập khí của kiến hoặc, mới khởi, gọi là “sinh”. Sau nối tiếp nhau, gọi là “chuyển”. Vì dứt trừ chúng, được trạch diệt, nên nói trạch diệt. Thân giải thoát đã nương tựa Chân như, gọi là “sở y” của không “sinh chuyển”.

Tiết thứ hai, là giải thích ngược lại: “Nếu thân giải thoát không dùng pháp thân “chuyển y” làm đối tượng nương tựa, nghĩa là vì Phật không được chuyển y của thân này, nên tất cả phiền não và tập khí hợp với các duyên hạt giống v.v... của hữu sau. Do đó, phiền não và tập khí “sinh chuyển” có thể được vì bất sinh, không chuyển nên không thật có.

***III. Giải thích khéo quán sát tướng quả sở tri, cũng có hai tiết:***

1. Giải thích thuận. Do chân trí rất ráo làm nhân, được quả chân như đã chứng, nên nói rằng khéo quán sát tướng quả sở tri.

2. Giải thích vấn nạn ngược lại. Luận giải thích: “Nên đồng với thủ uẩn, có các tai họa lỗi lầm đáng quán sát. Lại có các lậu. Lại, ngoài các lậu, còn các pháp hữu lậu khác.”

Pháp sư Bị nói: “Nếu không nói Chân như trạch diệt làm chuyển y thì lẽ ra lại quán sát tự thể của Phật, lẽ ra lại quán sát có đối tượng dứt đối tượng diệt.”

#### **IV. Giải thích tông tướng thanh tịnh của pháp giới có hai:**

A. Nói lược về tướng.

B. Phân biệt rộng về “không thể nghĩ bàn”

Trong phần trước có ba tiết:

1. Giải thích thuận. Luận giải thích: “Nhổ bỏ được hạt giống của tất cả tướng, nên tất cả tướng không lại hiện ở trước nữa.”

Pháp sư Thái nói: “Xả bỏ tướng rất ráo, gọi là pháp giới thanh tịnh”.

2. Giải thích ngược lại. Nếu nói là ra khỏi triền ràng buộc, chân như lìa các tướng, thì lẽ ra chẳng phải thường trú, lẽ ra có thể nghĩ bàn? Vì có các tướng?

3. Kết thuận rất dễ hiểu.

Y cứ trong phân biệt rộng “không thể nghĩ bàn ở trước, y cứ “không hai” để nói về “không nghĩ bàn”. Sau, dựa vào hai nhân để nói về “không nghĩ bàn”.

Trong phần trước, trước nêu chung, nêu, năm thứ kia. Sau, theo thứ lớp, giải thích riêng. Trong giải thích trụ nói rằng, loại sắc: Là loại tư lưu của sắc pháp môn, nên nói là loại sắc, chẳng phải sắc chương ngại. Lạc trụ, tức là hiện pháp lạc trụ, vẫn còn lại rất dễ hiểu.

2. Giải thích công năng, tức mười tự tại, như Bản địa phần và Luận Đối pháp v.v... nói.

3. Giải thích gia hạnh, như văn.

4. Trong giải thích chuyển có hai thứ chuyển. Luận sư Giới Hiền giải thích: “Chuyển lúc quyền, nghĩa là các hữu tình cho đến Thập địa chưa giải thoát trở xuống, chư Phật Thế tôn vì chúng Địa tiền, hiện hóa thân, vì Bồ-tát Địa thượng, hiện Tha thọ dụng với tướng Thô tế v.v..., ánh sáng xanh, vàng v.v..., giống với thân thọ dụng, tùy cơ biến hóa, đổi thay, khởi, diệt, chẳng phải thường có, gọi là chuyển lúc quyền.

Chuyển rất ráo, tức thân tự thọ dụng, như nghiệp thiện của người cõi dục, vì kém, nên chỉ được thân cao tám thước. Nghiệp của các vị

trời, vì nghiệp dần vượt hơn, nên tăng trưởng theo thứ lớp. Cho đến thân của sắc rốt ráo cao một muôn sáu ngàn do-tuần. Với quả trời Phật thì thiện cùng cực, nên các sắc căn đều khắp pháp giới, vượt ra ngoài số lượng.”

Pháp sư Bị nói: “Chuyển rốt ráo, gọi là thân thọ dụng, rốt ráo viên mãn, đầy khắp pháp giới. Các căn như nhãn v.v..., mỗi căn tức khắp pháp giới. Ánh sáng cũng tỏa khắp. Cho nên nếu y cứ ở ánh sáng mà nói, thì vì sao nói là lợi người? Đó là do thân này đồng được nghĩa thành.

5. Trong giải thích trở lại cũng có hai thứ:

- a. Tướng hóa nhập diệt.
- b. Thực hành thành giác.

Thứ tám, văn trong Phẩm Quyết định Lực, chủng tánh được chia làm tám: Đầu tiên, nói về khen ngợi đức Như lai, sinh nhóm phước lớn, trong đó có ba:

1) Nói về người năng khen ngợi, có thể nói lời lợi ích, cũng như kẻ nắn bình của thế gian, do nhân công hình thành. Đức Như lai thì không như thế. Không do người khác khen ngợi mà có chỗ làm, tuy nhiên khiến cho người khen ngợi được thực hành lợi mình. Vì sao? Vì đức Như lai công đức Viên mãn, không còn chỗ nào để thêm, do tiềm ẩn việc thiện của mình, vì rất thiếu dục, nghe khen, không mừng.

2) Nói về khen ngợi Như lai có hai thứ pháp kỳ diệu:

- a. Khiến người khen ngợi sinh ra lợi mình.
- b. Đã sinh lợi mình, hợp với tâm Phật, tức gọi là cúng dường nhiếp thọ Như lai.

Dưới đây do lời nói, mà biện minh rộng Đức Phật có hai sự: Nếu chỉ khi Bồ-tát không vừa ý Phật. Nếu nhân bố thí của, dứt ác, tu thiện, tức là vừa ý Phật.

3) Nói do sáu thứ tướng, lược nhiếp đức của Phật, trước nêu số, bày danh. Sau, giải thích theo thứ lớp:

Nói “Như lai thành tựu đức của ba cõi” nghĩa là vì trí lượng biến hóa giống với ba cõi. Văn còn lại rất dễ hiểu. Ba minh do năm nhân duyên, chẳng phải chỗ trở về của các vị trời. Nêu giáo nạn hỏi, liệt kê, theo thứ lớp giải thích riêng.

Đầu tiên trong hình tướng được chia làm hai: trước, là nêu năm nhân để nói về cõi trời chẳng phải chỗ trở về. Sau nói rõ Đức Phật là chỗ chân quy y.

Trong phần trước nói: “Do hình bạo ác, có kẻ sợ hãi, như hình

tượng của thiên thần v.v... đáng sợ hãi.

Y cứ trong văn sau, trước trái với tướng trời ở trước, nêu năm nhân của Phật. Sau, nêu năm tướng để nói Đức Phật là Y.

2. Nói về tự tánh, trước, trời, sau, Phật.

3. Tác nghiệp cũng thế.

4. Pháp nhĩ, ý nói là sự tốt lành của thế gian đều dựa vào công sức của mình, nếu là sự cung kính, thì cõi trời chưa gọi là công dụng. Như cõi Trời kia cung kính Đức Phật, tức gọi là công dụng.

5. Trong nhân quả có ba: Chia ra, gạn lại hỏi đáp, chỉ rõ chẳng phải hai thuyết trước, rất dễ hiểu.

Thứ ba, y cứ vào sự cung kính để chứng tỏ chẳng phải. Lại dùng ba môn để gạn lại hỏi đáp, vấn nạn để Phá:

Nếu chỉ cúng dường làm nhân, tức cõi trời không phải công dụng. Nếu chỉ cúng dường cõi Trời thì luống đặt ra. Nếu nói là đều có do bảy thứ quả mà các ông đã nói, thì việc toại ý không quyết định, nên không hợp lý.”

Pháp sư Thái nói: “Thuyết trong pháp ngoại đạo nói: “Do cúng dường trời, nên có quả đã tư duy bảy thứ này, tức là quyết định việc này.”

Luận chủ phá rằng:

“Sự việc này không nhất định”:

1. Vì các vị trời làm duyên cúng dường, nhưng đối với các niềm tin, hiểu trời đã nhiếp thọ thì không quyết định. Hoặc có người được trời nhiếp thọ, ủng hộ không có tai nạn. Hoặc không nhiếp thọ, ủng hộ, nên nhiếp thọ không quyết định.

2. Đối với tin hiểu không quyết định. Việc mà các vị trời làm, hoặc khiến sinh niềm tin, hoặc bất sinh niềm tin.

3. Đối với sự tin hiểu không quyết định; hoặc có chứng nghiệm, hoặc không chứng nghiệm.

4. Do cúng dường, nên sinh lên cõi trời không quyết định.

5. Được giàu sang, vui vẻ không quyết định.

6. Kẻ thù oán phá hoại, tiêu diệt không quyết định.

7. Đối với sự chết mất không quyết định.

Hoặc có người tránh khỏi cái chết và không tránh khỏi, nên Bản Phạm nói “Chết là luống mất”.

Luận sư Bị cho rằng: “Dù cầu người khác cúng dường mà “duyên” không quyết định trở nên toại ý, không toại ý, nên nói rằng: “duyên cúng dường”.

2. Đối với người nhiếp thọ tin hiểu, không quyết định. Hoặc có người theo giáo của trời, hoặc có người không theo.

3. Đối với duyên tin, hiểu cũng không quyết định, vì đối với trời, có tin và không tin.

4. Về việc tin, hiểu không quyết định: với sự mong muốn của chúng sinh, hoặc cho, hoặc không cho.

5. Trời có hơn kém. Cầu thân trời vượt hơn, nhưng không được kết quả theo ý muốn.

6. Có người tham sinh lên cõi trời, cầu được giàu sanh, vui vẻ, cũng không được toại nguyện.

7. Đối với phi thiên, kẻ thù oán không thể hoại diệt, cũng không khiến từ chết mất.

4) Nói về bốn thanh tịnh, cách hành văn rất dễ hiểu.

5) Nói về ba tánh giả, thật.

“Thế nào là phải biết cho đến chẳng phải vật thật có?” Ý hỏi: “Thế nào là phải biết tùy sự đã gọi là Danh, sắc v.v..., biến kế sở chấp chẳng phải có vật thật?”

Phần đáp, trước lược đáp, sau đáp rộng.

Trong phần trước, nói là các danh, ngôn cho đến chẳng phải có Thắng nghĩa, nghĩa là do chấp danh, nghĩa huân tập thành hạt giống. Lại, sinh các pháp danh, nghĩa, sắc v.v..., về sau duyên chấp chấp kia là có thật, chỉ có phát họa lỡ mờ, chẳng phải thật sự có vật, chẳng phải Thắng nghĩa có.

“Cho nên, trở xuống, là kết đối tượng chấp là giả có. Nếu bỏ đi tướng huân tập anh ngôn mà kiến lập thức, nghĩa là y cứ vào thức năng biến kế”, dứt trừ đối tượng chấp kia, thì sự tướng sắc v.v... nọ mới là cái có tài vật thật, là cái có của thắng nghĩa. Pháp cộng tướng của Viên thành thật, y tha dù có thể nói năng, nhưng pháp của tự tướng tức là danh, ngôn, tự tướng cộng tướng của Viên thành đều lìa ngôn thuyết.”

Dưới đây kế là đáp rộng: “Theo lý trong đây, ngôn luận được thành lập, như địa Bồ-tát, nên biết, nghĩa là nêu chung ngôn luận, chỉ cho Bản địa phần.

Nói “Nếu tướng huân tập các danh ngôn mà kiến lập thức thì có thể phát họa lỡ mờ thức, “duyên” tự tánh biến kế sở chấp làm cảnh, là tánh bị chấp, tức nói tánh này cho đến tự tánh Niết-bàn, nghĩa là do tánh “sở chấp” rốt ráo không có pháp, chỉ là đối với cái “không” mà “chấp có”, nên chẳng phải sẽ sinh và sẽ diệt v.v.... Nếu chủ thể biết được hai trần đã chấp chẳng phải là pháp khởi, diệt, thì tức là đồng với

chân như, xưa nay vắng lặng, tự tánh Niết-bàn.

“Vì sao? Trở xuống, giải thích lại có “sở chấp”, chỉ có giả danh, chứ chẳng phải có thật nghĩa. Do không biết rõ, nên theo danh ngôn, chấp có quyết định.

Nói: “Nếu lìa tự tánh các pháp danh, ngôn, thì phải biết rằng với tánh này, phạm phu phát sinh tà chấp là duyên đã sinh và đã diệt v.v.... Nghĩa là nếu lìa tùy tánh danh, ngôn mà có các pháp, tức là y tha có sinh, diệt.

Nói “Nếu chưa dứt trừ hẩn v.v...” đến “tức là trở thành thanh tịnh”, nghĩa là pháp nhiệm của Y tha, tức là Khổ, Tập. Nếu chưa vĩnh viễn đoạn trừ tập, chưa biết khắp khổ, thì sẽ trở thành sinh tử. Nếu biết khổ, nếu dứt tập, thì sẽ trở thành pháp thanh tịnh của Diệt, Đạo.’

6) Nói về bốn pháp chính là có thể thuộc về học rộng. Có hai thứ bốn pháp sau để giải thích; bốn pháp trước, nghĩa là do nguyện của Bồ-đề, gánh vác, giữ gìn học rộng. Do sự là bạn lành đã chứng học rộng, tức được Văn, Tuệ. Vì được năng lực tư duy lựa chọn của tư tuệ, nên gọi là hiệu quả của việc học rộng. Do ở chỗ rảnh rang, nên gọi là tịnh học rộng, tức là tu tuệ”.

7) Nói về bảy pháp như Ý lạc v.v... của Bồ-tát. Luận sư Cảnh nói: “Dưới đây có hai chương là: Phẩm Quyết trạch, Ý lạc. Nay, lại không nương tựa, vì vượt ngoài thứ lớp, trong bảy pháp được chia làm hai: Ba pháp đầu, y cứ vào tín để nói về ý lạc, bốn pháp sau, là nói về sự khác nhau của trí tuệ.

Trong phần trước, ý cho rằng, Bồ-tát Địa tiền có ba thứ tín:

1. Tin hiểu có lý tánh của chân như kia có thể có tu chứng.
2. Tin Pháp Phật có công đức vô cùng đã hiển bày.

3. Tin công đức hữu vi, vô vi đều là nghĩa có thể được. Nhiếp luận cũng nói ba pháp này thứ lớp nhỏ khác. Luận ấy nói:

1. Tin thật có.
2. Tin có thể được.
3. Tin có công đức vô cùng.

Kế là, giải thích về bốn trường hợp thương xót v.v... văn kinh, rất dễ hiểu.”

8) Nói về tai hại lỗi lầm của ba thứ tư duy. Nói là tư duy không có rốt ráo, nghĩa là tư duy khổ hạnh v.v... là nhân của Niết-bàn, không thể rốt ráo được đến Niết-bàn.

Tư duy phi xứ, nghĩa là tư duy về ngã hữu biên, vô biên v.v.... Không nên tư duy về xứ, mà khởi tư duy gọi là phi xứ.



Tư duy điên đảo: Đối với khổ, vô thường, bất tịnh v.v..., tư duy thường, lạc, tịnh v.v..., gọi là tư duy điên đảo.

Dưới đây là thứ chín, quyết định lựa chọn sáu phẩm như Thí v.v... có giải thích dưới đây là nói về hai chương của thí, giới, cũng là quyết định lựa chọn phẩm lực chủng tánh.

Từ câu “Lại nữa”, ở trước đã nói rộng về thí v.v... ” trở xuống, chính là quyết định lựa chọn sáu phẩm như thí v.v.... Tuy nhiên, nay sẽ dựa vào phán quyết trước, chia ra làm hai: Trước, quyết định lựa chọn riêng hai phẩm Thí, giới. Sau quyết định lựa chọn chung sáu phẩm như thí v.v....

Trong phần trước, trước là thí, sau là giới. Trong thí:

1- Chia ra bảy thứ.

2- Theo thứ lớp nói về tịnh vật của thí ban đầu có trong mười tưởng.

3- Thí hợp thời, nghĩa là thích ứng với điều người kia ưa thích mà cho họ.

Thứ bảy, Tùy lạc thí, nghĩa là thuận theo người cầu xin đã yêu lạc thí. Hai thứ thí này khác nhau nhau chỗ nào?

Giải thích: “Thứ ba, biết người có đói khát, bố thí thức ăn đúng vào lúc họ đang đói, cho họ thức uống khi họ đang khát. Không nói là người đói khát đến cầu xin, mới cho.

Thứ bảy, tức nói Tùy lạc thí, nghĩa là tùy người cầu mà ưa bố thí, là cho người đến cầu xin. Lại, thì thứ bảy không hạn chế về thời gian. Thuận theo điều mà họ ưa thích, về sau mới bố thí, cũng gọi là tùy nhạo.

Thứ sáu, như pháp thí, nghĩa là tương ứng với không có tội, nghĩa là không lìa ba thời điểm mong cầu đều cùng tịnh, tịnh giới thứ hai rất dễ hiểu.

Thứ ba kiến tịnh, nằm trong mười, bố thí không quán sát, hoàn toàn không có hiệu quả, mà người thực hành tuệ thí, chẳng phải thực hành bố thí trong tâm tà kiến.

Thứ sáu, không quán sát thí, quả sẽ không giống nhau mà thực hành tuệ thí, nghĩa là về mặt lý, bỏ các vật như hương, sắc v.v..., chiêu cảm sắc, hương tốt, v.v... gọi là quán quả giống nhau. Nếu thấy xả sắc đẹp v.v..., cảm nhận sắc xấu v.v..., thì gọi là quán quả không giống nhau.

Thứ bảy, không quán sát bố thí, sẽ có quả điên đảo. Nghĩa là nếu nhận thấy do xả tài, vật, để cho người khác được yên vui, còn mình thì

chiêu cảm cùng khổ, gọi là quán điên đảo.

Thứ tám, không quán kể sát hại là bè bạn lành mà thực hành tuệ thí, nghĩa là thực hành bố thí hữu vi là vì mưu cầu bè bạn, bèn giết dê v.v..., rồi nhóm họp các bạn lại để cùng làm việc bố thí, không thấy lợi ích này.

Thứ chín, không quán thấy hiện thân tức, nghĩa là đã có tướng tốt lành biến hóa kỳ diệu rồi, mới thực hành bố thí.

Thứ tư, là tâm tịnh, thứ năm, là ngữ tịnh (các hành văn rất dễ hiểu). Thứ sáu trong trí tịnh, gạn hỏi nêu ra mười tướng, giải thích riêng theo thứ lớp.

Thể tướng của cửa thí: Tức là ba nghiệp v.v... khởi tư duy, kể cả năm uẩn.

Nói: “hoặc do gốc lành của đời sau, nghĩa là ở đời trước, hoặc thọ hiện pháp v.v..., nghĩa là gốc lành là chung. Dưới đây phân biệt riêng. Hoặc do gốc lành đời trước chiêu cảm tài vật thực hành thí, hoặc hiện khởi gốc lành, cảm nhận tài vật thực hành bố thí, gọi là thọ hiện pháp. Hoặc phát khởi thần thông, nghĩa là do hiện sức thần, mưa châu báu để thực hành bố thí. Hoặc do pháp thọ đã gây dựng lên tài vật mà dùng Tuệ thí, hoặc đời trước đã thực hành bố thí, đời nay, chiêu cảm của việc làm bố thí, cũng gọi là “pháp thọ”. Hoặc người khác chứa nhóm tài vật đã có mà vận dụng tuệ thí là nêu. Dưới đây là giải thích:

Dùng tài vật chứa nhóm của người khác, như khuyến khích dẫn dắt người, nghĩa là do khuyên bảo người khác, nên gọi là dùng giáo bố thí. Hoặc gánh vác công việc của người khác, như chủ kho được vua quan sai thực hành bố thí.

Nói “Người có của, tài vật nhiều trong số nghèo thiếu tức là ba phẩm, kẻ nghèo thiếu là phẩm hạ”.

Hai môn sinh phước: Luận sư Cảnh nói:

1. Muốn giúp cho người kia đối với ruộng Tam Bảo, làm các việc thiện.

2. Xả bỏ tài vật và dạy người kia thực hành bố thí. Do hai môn này sinh vô lượng phước. Pháp sư Thái nói: “Phật Pháp hợp thành một môn và ruộng tăng v.v... là môn thứ hai.”

Có chỗ giải thích: “Tự mình làm, dạy người khác làm, gọi là hai môn. Hoặc nhận lãnh ơn của người dạy người thực hành tuệ thí, người không bằng lòng bố thí. Bồ-tát nói rằng: “Ta nhận ơn của ông, thời gian sau này, ta sẽ trả ơn. Với việc thiện như thế, ông chỉ nghe nói ta cố gắng thực hành bố thí. Hoặc vì lý do sinh”. Cũng có chỗ giải thích: “Vì muốn

Bồ-tát tự sinh lên cõi trời, nên có thể tự tại bố thí. Hoặc có thể vì quán sát sự sinh vượt hơn của người khác, nên thực hành tuệ thí.”

Nay, giải thích: “Do sự sinh vượt hơn, như sinh vào dòng Sát lợi v.v..., dạy họ thực hành tuệ thí.

Nói năm thứ lỗi lầm, sáu thứ, bảy thứ, tám thứ. Pháp sư Khuy Cơ nói: “phải xét Địa Trì Ký của Pháp sư Tuệ Viễn.”

Có Luận sư nói: “hoặc hiểu rõ sáu thứ, nghĩa là các dục này là “Tăng ngữ” sợ hãi v.v.... Tăng ngữ có hai:

1. Vì mừng vui mà khởi “tăng ngữ”.

2. Vì lo, sợ mà khởi tăng ngữ. Nhân sự lo mừng, càng thêm nhiều ngôn ngữ, gọi là “tăng ngữ”. Bồ-tát biết pháp ác là tăng ngữ sợ hãi. Do biết được tai hại lỗi lầm, nên dùng của năm dục tài để thực hành tuệ thí gấp (năm, sáu, bảy, tám thứ, phải xét A-hàm).

Lại có giải thích khác: “Những thứ này đều y cứ theo số văn của Tư sở thành địa, rất dễ biết, nghĩa là năm thứ tai họa lỗi lầm, tức tai họa lỗi lầm của sắc, thanh, hương, vị, xúc. Sau thứ tai họa, phải xét chỗ khác. Hoặc có thể tức là sáu thứ tai hại lỗi lầm của năm dục trước. như quyển mười tám nói có bảy thứ, cái gọi là các dục vô thường là (1), luống dối là (2), không có thật là (3); Pháp hư hoại là (4); giống như việc huyễn, người ngu mê lầm, lừa dối là (5); Rất ít vị ái là (6); rất nhiều tai họa lỗi lầm là (7).

Tám thứ nghĩa là các dục như bộ xương khô, cũng như cục thịt ẩm, giống như đước cỏ, cũng như hầm lửa lớn. Ví như sắc độc, cũng như cảnh tượng thấy trong mộng. Như mượn dụng cụ trang sức. Như cây suông quả chín. Mười bốn nghiệp thiện, ác như bản, bốn thứ người bạn che giấu.

Sáu phương: Điều xuất xứ từ kinh Thiện Sinh của A-hàm, như ở trước bốn mươi bốn quyển đã ghi nhận, giải thích. Ham vui, say đắm trong cấu tịnh, thứ bảy, nghĩa là mê đắm tài vật.

Quan sát quả, nghĩa là quán sát quả do bố thí được, nói là người nghèo thiếu đối với tôi tớ của mình v.v..., nghĩa là nếu Bồ-tát, là người nghèo, thì chỉ bố thí tôi tớ của mình v.v.... Nếu người có tài vật vừa thì bố thí tôi tớ và kẻ nghèo ở trước. Nếu là người nhiều tài vật, thì bố thí tôi tớ người nghèo khổ và người đến xin khác.

Nói xa lìa, nghĩa là diệt một ít như bản. Pháp sư Thái nói: “Lẽ ra là chữ giảm.”

Việc bố thí chỗ ở, nghĩa là bố thí giường, tòa ngồi v.v....

Lại giải thích: “Thì cho vườn, rừng v.v... :

1. Ý lạc không điên đảo trong nhân, nghĩa là hiểu rõ về nhân thực hành bố thí, chắc chắn chiêu cảm niềm vui.

2. Không mê đắm quả, nghĩa là đối với thọ lãnh quả bố thí, tâm không mê đắm, chấp mắc.

Quán sát ruộng có năm:

1. Ở chỗ này việc cầu xin có thể được. Nghĩa là quán sát người cầu xin kia, hoặc thực hành bố thí. Người khác đến xin có thể được. Nay ta bố thí.

2. Ở nơi này, đã có người cầu xin, còn thêm người nghèo thiếu, nghĩa là quán biết người ăn xin, đã từng bị cầu xin, nay vì thêm người nghèo thiếu nữa, nên dùng tuệ để bố thí.

3. Người nghèo thiếu, không có nơi trông cậy.

4. Có, và không nương cậy nhau, đã bị sự nghèo khổ ép ngặt, lại còn làm hành vi ác; đây gọi là ruộng, nghĩa là đều có thể thực hành bố thí.

5. Ở chỗ này, dù không có những đối tượng này, nhưng có người tu hành, làm việc thiện có thể được, cũng lại bố thí.

Bảy tướng chẳng phải trong ruộng:

1. Người cầu xin rất bạo ác, đã từng làm kẻ oán hại. Nghĩa là kẻ đã từng gây thù oán, hãm hại thí chủ, với tâm hãm hại chưa bỏ, quy y với oán hại mà có mong cầu, nghĩa là dù người đó trước đây chẳng phải thù oán mà quy y ta, kẻ thù oán có điều cầu xin. Nay, họ đến xin, cũng không được bố thí.

Trong đây, phương tiện cho đến sinh và sức thần. Luận sư Cảnh nói: “Phương tiện trong đây, nghĩa là quán tập thí (thí theo thói quen). Không đoái hoài thân mạng mình, vì nghĩa chân thật, thương xót hữu tình, cũng là phương tiện.

Sức mạnh giáo hóa, dẫn dắt của Thắng giải Vô thượng Bồ-đề thôi thúc, nghĩa là do thắng giải Bồ-đề thúc dục tâm mình, khiến thực hành tuệ thí, cũng gọi là phương tiện.

Chịu ơn báo sinh và sức thần thông, nghĩa là hoặc người có chức vụ, đã có thế lực có thể thực hành ân tuệ, kể cả trả ơn, đều gọi là có đức phương tiện, hoặc sinh trong chỗ sinh tốt hơn như Sát-lợi, Bà-la-môn v.v.... Hoặc nhân sức thần thông hoá hiện nhiều của báu để thực hành Tuệ thí, cũng là có đức phương tiện mà thực hành tuệ thí”. Nay, giải thích:

Dùng thắng giải vô thượng Bồ-đề có trí, bi, nhằm giáo hóa dẫn dắt người, để họ thực hành tuệ thí. Hoặc dùng sức mạnh bắt buộc người.

Hoặc nhận lãnh chỗ người thi ơn, chịu trách nhiệm trả ơn. Hoặc sinh vào nhà giàu sang.  
Hoặc dùng sức thần thông khiến người thực hành bố thí, gọi là phương tiện đầy đủ.

-----